Present verbs & past verbs

present verbs động từ hiện tại		past verbs động từ quá khứ
is / am thì, là, ở	⋯⋯▶	**was** đã là, đã ở
are thì, là, ở	⋯⋯▶	**were** đã là, đã ở
have / has có	⋯⋯▶	**had** đã có
drink uống	⋯⋯▶	**drank** đã uống
see nhìn, thấy	⋯⋯▶	**saw** đã gặp, đã thấy
give cho	⋯⋯▶	**gave** đã cho
take mang, lấy	⋯⋯▶	**took** đã mang, đã lấy
go đi	⋯⋯▶	**went** đã đi
eat ăn	⋯⋯▶	**ate** đã ăn

Note: Động từ quá khứ thường dùng khi câu nói về việc đã xảy ra rồi. Trong câu thường có các từ như: yesterday (hôm qua), last week (tuần trước), last Monday, last Tuesday, ago,...

LIVEWORKSHEETS